

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn

Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3000.333.195 do Sở KHĐT Hà Tĩnh cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 21/11/2012;
- Vốn điều lệ: 285.620.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 291.319.173.053 đồng
- Địa chỉ: Km70 – Quốc lộ 8A – Sơn Kim1 – huyện Hương Sơn – tỉnh Hà Tĩnh;
- Số điện thoại: 0393.876.017
- Số fax: 0393.876.017
- Website: thuydienhuongson.vn
- Mã cổ phiếu : GSM

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày thành lập (Quyết định góp vốn): 10 tháng 3 năm 2003;
 - + Ngày đi vào vận hành phát điện thương mại: Tháng 1 năm 2011
 - + Ngày được chấp thuận là Công ty đại chúng: 19 tháng 11 năm 2014;
- Các sự kiện khác.
 - + Ngày hoàn thành công trình: 3 năm 2012;

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- Địa bàn kinh doanh: Sản xuất điện hòa vào mạng lưới điện Quốc gia.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.

Bao gồm:

- + Đại Hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban Tổng giám đốc
- + Các phòng, bộ phận trong Công ty gồm:
 - ++ Phòng Tổ chức – Hành chính;
 - ++ Phòng Kỹ thuật – Vận Hành (Có Tổ QL.VH Đường dây)



- ++ Bộ phận Nhà máy: Gồm các ca vận hành, Tổ VH đầu mối, Tổ Kỹ thuật;
- ++ Phòng Tài chính kế toán – Kinh tế;
- **Cơ cấu bộ máy quản lý.** Bao gồm:
 - + Đại Hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Ban kiểm soát;
 - + Ban Tổng giám đốc

- Các công ty con, công ty liên kết: Không;

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- + Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- + Đầu tư xây dựng dự án thủy điện Hương Sơn 2;

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- + Tập trung quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Hương Sơn đạt hiệu suất cao;
- + Chuyển nhượng đường dây 110 KV cho Tổng công ty điện lực Miền Bắc;
- + Đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Công ty đang sử dụng nguồn nguyên liệu sạch và sản phẩm tạo ra cũng là sản phẩm sạch, an toàn cho môi trường, mang lại nguồn điện năng không nhỏ góp phần vào sự phát triển của đất nước;

6. Các rủi ro:

* Rủi ro kinh tế:

• **Tốc độ tăng trưởng kinh tế:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế quốc gia sẽ ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp điện cơ bản, đặc biệt là thủy điện. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh sẽ kéo theo sự gia tăng nhu cầu về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh, các công trình xây dựng mới, nhà ở... để từ đó tăng nhu cầu sử dụng điện. Ngược lại khi nền kinh tế có bất ổn hay suy thoái sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu tiêu thụ điện tại tất cả các mặt trong đời sống của ngành điện nói chung và của Công ty nói riêng.

Nhìn chung, thị trường đang dần trên đà phục hồi, các doanh nghiệp cũng đang cải thiện được tình hình sản xuất, kinh doanh của mình và ngành thủy điện cũng không phải là một ngoại lệ. Đây chính là yếu tố mà Công ty Cổ phần Thủy Điện Hương Sơn cần nắm bắt nếu như Công ty muốn tăng trưởng hoạt động kinh doanh.

• **Lãi suất:** Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, vốn vay là một phần quan trọng và chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong nguồn vốn hoạt động. Lãi suất biến động sẽ có những tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty. Khi lãi suất tăng sẽ kéo theo chi phí sử dụng vốn tăng, làm lợi nhuận của doanh nghiệp giảm xuống và ngược lại. Rủi ro biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng cực lớn đến khả năng sinh lợi nhuận của Công ty.

*** Rủi ro Luật pháp:**

Là một Công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, luật thuế... và các Nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn dưới Luật. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và văn bản liên quan.

Mặt khác Công ty hiện nay đã trở thành công ty đại chúng và giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung, do vậy, hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

*** Rủi ro kinh doanh:**

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động của Công ty CP Thủy Điện Hương Sơn còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù trong ngành thủy điện như rủi ro thời tiết. Đối với các Công ty thủy điện thì diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động. Đây là rủi ro đặc thù của ngành thủy điện. Lượng mưa là nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty thủy điện. Trước sự biến đổi khí hậu công việc dự báo thời tiết trở nên khó khăn hơn, từ đó ảnh hưởng đến việc dự báo cũng như lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự báo doanh thu lợi nhuận của Công ty.

*** Rủi ro biến động giá cổ phiếu:**

Việc Công ty cổ phần Thủy Điện Hương Sơn đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty cổ phần Thủy Điện Hương Sơn đã chủ động công bố thông tin đối với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và một số đơn vị liên quan khác nhằm giúp khách hàng và nhà đầu tư có những thông tin tin cậy và chính xác về các hoạt động của Công ty.

*** Rủi ro khác:**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (TH/KH) cụ thể như sau:**

- a. Tổng giá trị SXKD: 148,154 tỷ đồng / 139,800 tỷ đồng (Đạt 105,98 %)
- b. Chi phí : 110,04 tỷ đồng / 104,800 tỷ đồng (tăng 5,00 %)
- c. Doanh thu: 134,689 tỷ đồng / 127,100 tỷ đồng (Đạt 105,97 %)

- d. Lợi nhuận 24,649 tỷ đồng / 22,300 tỷ đồng (Đạt 110,53 %)
- e. Nộp ngân sách: 25,591 tỷ đồng / 20,350 tỷ đồng (Đạt 125,75 %)
- f. Sản lượng điện: 125,69 triệu kwh/90 triệu kwh (Đạt 139,66 %)

- Nguyên nhân: Thời tiết năm 2016 mưa nhiều, lượng mưa và Qvh Nước lạnh khá cao nên sản lượng điện vượt kế hoạch đề ra. Đồng thời, với sự chỉ đạo điều hành tốt của Ban Tổng giám đốc cũng như sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận Nhà máy đã xây dựng nên phương án chạy máy tập trung công suất tối đa giờ cao điểm (Thực hiện hợp đồng 3 giá tránh được) đã đạt hiệu quả doanh thu vượt kế hoạch, theo đó các chỉ tiêu khác cũng tăng lên rõ rệt.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

- + Ông: Trần Công Hòe - Tổng giám đốc;
- + Ông Nguyễn Văn Hiệp - Kế toán trưởng;

- **Những thay đổi trong ban điều hành:** Không;

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:** 72 người

- **Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:** Các chính sách đối với người lao động được thực hiện theo các quy định của Nhà nước về tiền lương, bảo hiểm và an toàn, bảo hộ lao động đầy đủ. Hàng năm Công ty tổ chức Hội nghị người lao động và ký thỏa ước lao động nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho người lao động.

- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2: Trong năm 2016 Công ty đã thực hiện được một số nội dung như:

+ Quy hoạch dự án được Bộ Công thương phê duyệt điều chỉnh quy hoạch theo Quyết định số: 929/QĐ-BCT ngày 10/3/2016;

+ Báo cáo tác động môi trường được Bộ tài nguyên và môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số: 594/QĐ-BTNMT ngày 24/3/2016;

+ Thẩm định thiết kế cơ sở được Sở Công thương Hà Tĩnh chấp thuận Thiết kế cơ sở tại Văn bản số: 332/SCT-TĐTKCS ngày 24/3/2016;

+ Hoàn thành công tác thẩm tra dự án đầu tư do Công ty CP tư vấn Sông Đà thẩm tra (04 lần);

+ Được Hội đồng thẩm định Công ty thẩm định thiết kế cơ sở tại báo cáo số: 02/GSM - HĐĐĐ - BC ngày 25/3/2016;

+ Hoàn thành việc trình và phê duyệt Dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án) do Viện thủy điện và năng lượng tái tạo lập. Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt tại Quyết định số: 12/GSM-HĐQT-QĐ ngày 22/7/2016.

Tuy nhiên, hiện nay dự án đang tạm dừng triển khai do chưa thu xếp được nguồn vốn.

3. Tình hình tài chính

Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng, giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	694.699.118.576	660.227.904.794	Giảm 4,96 %
Doanh thu thuần	128.160.271.734	134.651.455.653	Tăng 5,06 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.804.895.976	24.866.200.799	Tăng 67,96 %
Lợi nhuận khác	1.168.670.240	(217.011.624)	
Lợi nhuận trước thuế	15.973.566.216	24.649.189.175	Tăng 54,31%
Lợi nhuận sau thuế	15.973.566.216	24.649.189.175	Tăng 54,31%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

a) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,315	0,089	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,0026	0,0886	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,62	0,56	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,61	1,27	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	280,65	333,15	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,18	0,20	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,125	0,183	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,023	0,037	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,125	0,185	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) **Cổ phần:** 28.562.000.000 cổ phần.

b) **Cơ cấu cổ đông:**

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ %
1	TCT Sông Đà (Cổ đông tổ chức)	16.378.950	163.789.500.000	57,35
2	TCT Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh – CTCP (cổ đông tổ chức)	5.640.000	56.400.000.000	19,75
3	Tổng công ty cơ khí xây dựng – Công ty TNHH MTV (cổ đông tổ chức)	118.939	1.189.390.000	0,42
4	Các cổ đông cá thể	6.424.111	64.241.110.000	22,48
	Tổng cộng	28.562.000	285.620.000.000	100

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.**

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.**

e) **Các chứng khoán khác: Không.**

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- a. Tổng giá trị SXKD: 148,154 tỷ đồng / 139,800 tỷ đồng (Đạt 105,98 %)
- b. Chi phí : 110,04 tỷ đồng / 104,800 tỷ đồng (tăng 5,00 %)
- c. Doanh thu: 134,689 tỷ đồng / 127,100 tỷ đồng (Đạt 105,97 %)
- d. Lợi nhuận 24,649 tỷ đồng / 22,300 tỷ đồng (Đạt 110,53 %)
- e. Nộp ngân sách: 25,591 tỷ đồng / 20,350 tỷ đồng (Đạt 125,75 %)
- f. Sản lượng điện: 125,69 triệu kwh/90 triệu kwh (Đạt 139,66 %)

– **Những tiến bộ Công ty đã đạt được:** Đã xây dựng được kế hoạch chạy máy đạt hiệu suất cao hơn các năm trước.

2. **Tình hình tài chính**

a) **Tình hình tài sản**

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản:

Tài sản của Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn bao gồm tài sản ngắn hạn (Tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho...). Tuy nhiên tài sản chính của Công ty chính là tài sản dài hạn (Bao gồm các tài sản cố định là các hạng mục công trình và một số tài sản khác). Trong năm qua, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty tương đối cao, kết quả cụ thể nhất là doanh thu vượt kế hoạch đề ra, các hạng mục công trình hoạt động ổn định và không xảy ra hư hỏng lớn...

b) **Tình hình nợ phải trả**

– **Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.**

Hiện tại, các khoản nợ của Công ty tương đối lớn, chủ yếu là các khoản nợ dài hạn. Công ty vẫn đang tích cực tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm trả trước các khoản vay có lãi suất cao và dần trả số nợ còn lại.

- **Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:** Hiện tại một số ngân hàng đang cho vay với lãi suất khá cao và thường xuyên yêu cầu Công ty trả nợ. Công ty đang tích cực và quyết liệt thương thảo nhằm giảm chi phí lãi vay đối với các tổ chức tín dụng có lãi suất cho vay cao, đưa ra những chiến lược cũng như biện pháp về tài chính thích hợp nhất góp một phần giảm gánh nặng trong chi phí SXKD cho đơn vị.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:*

Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục cử cán bộ đi học các lớp tập huấn nghiệp vụ và các lớp đào tạo về chuyên ngành quản lý để xây dựng doanh nghiệp với bộ máy quản lý vững chắc.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

Công ty đang có một nhiệm vụ rất lớn song hành cùng việc điều hành Sản xuất phát điện thương mại đó là đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;

IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:*

Năm 2016, mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn, bất lợi nhưng thể CBCNV Công ty cổ phần Thủy điện Hương Sơn đã đoàn kết, nhất trí cùng nhau vượt qua khó khăn, thi đua lao động sản xuất vì mục tiêu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã được các Cổ đông thống nhất thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015. Thực tế một số thành quả đạt được rất đáng khích lệ như: các Tổ máy vận hành an toàn; CBCNV vận hành cơ bản đã làm chủ được dây chuyền công nghệ, thiết bị; sử dụng tương đối hiệu quả nguồn tài nguyên nước cho việc phát điện thương mại ... Việc triển khai thực hiện các nội dung đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2016 đã hoàn thành và vượt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Ban giám đốc đã xây dựng được chương trình công tác cụ thể cho từng tháng, quý, năm trên cơ sở chương trình công tác đó để điều hành và chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Đã chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn và hiệu quả, vượt kế hoạch các chỉ tiêu chính đã đề ra.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Điều hành Vận hành an toàn Nhà máy, phát điện trong điều kiện có lợi nhất cả về giá bán, thời điểm, lượng nước;
- Chăm lo đời sống cho CBCNV, không ngừng nâng cao đào tạo đội ngũ vận hành, kỹ sư, cán bộ quản lý;
- Lập kế hoạch khoa học thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017
- Khai thác hợp lý, hiệu quả Dự án bán khí giảm phát thải (CDM);
- Hoàn tất các thủ tục đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2 để khởi công trong năm 2017;
- Cơ cấu lại các khoản nợ ở các tổ chức tín dụng để lành mạnh tài chính Công ty;
- Lập kế hoạch tổng thể, chi tiết để triển khai dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;

- Thực hiện đúng, hoàn thành tốt trách nhiệm của Hội đồng quản trị trước Đại Hội đồng cổ đông sau đại hội này với các quy định cụ thể về trách nhiệm/quyền hạn tại điều lệ Công ty và quy định của Nhà Nước về trách nhiệm/Quyền hạn của Hội đồng quản trị về quản trị với công ty đại chúng.

- Quan hệ tốt với các cơ quan Bộ ngành Trung ương và địa phương để thực hiện tốt các nhiệm vụ SXKD, nhiệm vụ đầu tư dự án thủy điện Hương Sơn 2.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Minh Thuận	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Công Hòe	Ủy viên HĐQT, TGD
3	Nguyễn Thị Hà	Ủy viên HĐQT
4	Võ Thị Hoa	Ủy viên HĐQT

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có;

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã rất sát sao trong việc chỉ đạo, quyết định và giám sát các nội dung công việc đã thông qua. Năm 2016, đã tổ chức 05 cuộc họp Hội đồng quản trị, thống nhất được các nội dung quan trọng mang lại lợi ích lớn cho đơn vị. Cụ thể:

- Ban chấp hành Đảng ủy Công ty, Hội đồng quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng và Ban hành quy chế phối hợp làm việc chi tiết, cụ thể để làm căn cứ phối hợp trong quá trình hoạt động.

- Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản trong công tác quản lý mọi hoạt động của đơn vị: Nghị quyết, Quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, phối hợp làm việc... để triển khai kịp thời các nội dung công việc do Đảng ủy cấp trên, Đại hội đồng Cổ đông, của các cơ quan lý nhà nước

- Thực hiện chức trách nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo đúng: Điều lệ tổ chức và hoạt động doanh nghiệp, các quy chế, quy định, quyết định,... do Nhà nước, Hội đồng quản trị ban hành, sát thực với tình hình điều kiện thực tế của Công ty, của Cổ đông chi phối, của Đại hội đồng cổ đông. Các chỉ thị, nghị quyết, quyết định đủ tính pháp lý, kịp thời làm cơ sở đảm bảo Ban điều hành triển khai toàn bộ nội dung hiện hữu và nội dung phát sinh thực tế tại đơn vị.

- Phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ theo đề nghị của ban giám đốc điều hành.

- Quản lý, điều hành công ty tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Chủ động quan hệ với địa phương, các Bộ ngành Trung ương, đơn vị chủ quản ngành góp phần tăng thêm sức mạnh, tìm kiếm sự ủng hộ cho hoạt động phát triển của

Công ty, nhất là Công ty đang đối diện các khó khăn nêu trên. Thời gian quan công tác đối ngoại mang lại hiệu quả to lớn cho hoạt động toàn diện của Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, cho ý kiến về các nội dung trình của Tổng giám đốc nhằm đi đến thống nhất nội dung triển khai thực hiện.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có;

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không có;

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ông: Bùi Văn Minh – Trưởng Ban kiểm soát;

Ông: Trịnh Xuân Mạnh – Thành viên Ban kiểm soát;

Bà: Phan Thị Huế – Thành viên Ban kiểm soát;

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thường xuyên được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị để nắm bắt rõ các nội dung công việc được thông qua, qua đó theo dõi, giám sát việc thực hiện đảm bảo đúng quy định và lợi ích hợp pháp cho đơn vị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

DVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	420	256,510	163,49	Lương + Thù lao
2	TV HĐQT	3	144	125,244	18,756	Thù lao
3	TV HĐQT kiêm TGD	1	336	336	0	Lương
4	Trưởng ban KS	1	48	48	0	Thù lao
5	Thành viên BKS	2	72	72	0	Thù lao
	Cộng	8	1020	837,754	182,246	

Nguyên nhân chênh lệch: Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thành viên Hội đồng quản trị giảm do đến ngày 13/7/2016, Ông Hoàng Minh Thuận được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chuyển từ hưởng thù lao Hội đồng quản trị sang hưởng thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm) thay cho Ông Nguyễn Huy Hùng (Chuyển hưởng lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách sang hưởng thù lao Ủy viên Hội đồng quản trị đến 08/8/2016)

- a) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có;
- b) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có;
- c) **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:** Công ty đã tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện theo đúng điều lệ tổ chức hoạt động cũng như quy định quản trị Công ty trên cơ sở đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và tổ chức.

VI. Báo cáo tài chính

(Chi tiết có báo cáo tài chính đã đăng trên Website của Công ty:

<http://thuydienhuongson.vn/quanhecodong.html>)

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật của
Công ty**



Trần Công Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		24.131.109.187	25.364.084.070
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.410.034.785	7.220.238.919
111 1. Tiền		3.410.034.785	7.220.238.919
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.214.275.680	17.572.621.948
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	19.110.702.526	16.028.302.445
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		921.344.326	941.344.426
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	5	423.556.192	744.838.291
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(241.327.364)	(141.863.214)
140 IV. Hàng tồn kho	7	184.069.788	210.201.120
141 1. Hàng tồn kho		184.069.788	210.201.120
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		322.728.934	361.022.083
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	322.180.833	361.022.083
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	548.101	-
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		636.096.795.607	669.335.034.506
220 II. Tài sản cố định		618.995.989.150	654.290.638.137
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	618.927.989.863	654.222.973.586
222 - Nguyên giá		795.480.339.978	795.195.456.341
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(176.552.350.115)	(140.972.482.755)
227 2. Tài sản cố định vô hình	10	67.999.287	67.664.551
228 - Nguyên giá		229.326.317	193.326.317
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(161.327.030)	(125.661.766)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		12.997.833.776	10.715.516.656
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	12.997.833.776	10.715.516.656
260 VI. Tài sản dài hạn khác		4.102.972.681	4.328.879.713
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.102.972.681	4.328.879.713
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		660.227.904.794	694.699.118.576



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		368.908.731.741	428.029.134.698
310 I. Nợ ngắn hạn		270.300.064.604	80.372.886.237
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	9.092.076.040	13.818.826.509
313 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.469.482.795	4.390.436.604
314 3. Phải trả người lao động		2.719.772.847	1.073.264.731
315 4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.180.464.792	14.845.613.251
319 5. Phải trả ngắn hạn khác	16	248.268.130	214.663.880
320 6. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	12	248.590.000.000	46.030.081.262
330 II. Nợ dài hạn		98.608.667.137	347.656.248.461
338 1. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	12	98.608.667.137	347.656.248.461
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		291.319.173.053	266.669.983.878
410 I. Vốn chủ sở hữu	17	291.319.173.053	266.669.983.878
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		285.620.000.000	285.620.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		285.620.000.000	285.620.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.699.173.053	(18.950.016.122)
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(18.950.016.122)	(34.923.582.338)
421b - LNST chưa phân phối năm nay		24.649.189.175	15.973.566.216
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		660.227.904.794	694.699.118.576

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hiệp

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Trần Công Hòa

1301
CỔ
ĐĂNG
KÝ
A
DÀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	134.651.455.653	128.160.271.734
10 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		134.651.455.653	128.160.271.734
11 3. Giá vốn hàng bán	20	61.323.354.777	58.992.294.052
20 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		73.328.100.876	69.167.977.682
21 5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	37.364.744	29.047.721
22 6. Chi phí tài chính	22	35.565.429.087	39.110.933.481
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		35.561.534.775	38.986.287.634
26 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	12.933.835.734	15.281.195.946
30 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.866.200.799	14.804.895.976
31 9. Thu nhập khác	24	-	1.187.705.270
32 10. Chi phí khác	25	217.011.624	19.035.030
40 11. Lợi nhuận khác		(217.011.624)	1.168.670.240
50 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.649.189.175	15.973.566.216
51 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
60 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>24.649.189.175</u>	<u>15.973.566.216</u>
70 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	863	559

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hiệp

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 03 năm 2017



Trần Công Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	24.649.189.175	15.973.566.216
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	35.615.532.624	35.598.661.275
03	- Các khoản dự phòng	99.464.150	141.863.214
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.894.312	124.645.847
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(37.364.744)	(165.411.358)
06	- Chi phí lãi vay	35.561.534.775	38.986.287.634
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	95.892.250.292	90.659.612.828
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(2.737.529.753)	(1.594.477.253)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	26.131.332	(171.949.613)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	686.648.088	(26.315.217.594)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	264.748.282	383.066.663
14	- Tiền lãi vay đã trả	(48.880.923.234)	(37.915.911.784)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	45.251.325.007	25.045.123.247
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(2.603.200.757)	(5.792.370.918)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	136.363.637
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	33.228.514	29.047.721
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.569.972.243)	(5.626.959.560)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu đi vay	-	32.586.253.448
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(46.487.662.586)	(46.769.994.303)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(46.487.662.586)	(14.183.740.855)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(3.806.309.822)	5.234.422.832
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	7.220.238.919	2.110.461.934
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(3.894.312)	(124.645.847)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 3.410.034.785	7.220.238.919

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hiệp

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Trần Công Hòa